

Bản án số: 46/2025/KDTM-PT
Ngày: 07 - 5 - 2025
V/v Tranh chấp giữa thành viên
công ty với công ty.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Nhựt Bình

Các Thẩm phán: Ông Phạm Trí Tuấn

Bà Hồ Thị Thanh Thúy

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Phạm Phú Cường - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Đức - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 105/2024/TLPT-KDTM ngày 06 tháng 12 năm 2024 về việc “Tranh chấp giữa thành viên công ty với công ty”.

Do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 211/2024/KDTM-ST ngày 23 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 608/2025/QĐPT-KDTM ngày 21 tháng 4 năm 2025, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ông Trần Hải L (vắng mặt);

Địa chỉ: C M, Phường A, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đặng Tất T, sinh năm 1997 (có mặt).

Địa chỉ F5/7D tổ E, ấp F, Lê Minh X, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Luật sư Phạm Văn V thuộc Đoàn luật sư Thành phố H (có mặt).

- **Bị đơn:**

1. Công ty TNHH G1;

Địa chỉ: 1 N, xã P, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hoàng Tuấn L1, sinh năm 1997 (có mặt);

Địa chỉ 15/9E Ấp Mới 2, xã Trung Chánh, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh

2. Ông Nguyễn Minh T1, sinh năm 1976 (vắng mặt);

Địa chỉ: G N, xã K, thành phố T, tỉnh Long An;

Địa chỉ liên hệ: 146/18 N, xã P, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hoàng Tuấn L1, sinh năm 1997 (có mặt);

Địa chỉ 15/9E Ấp M, xã T, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Võ Thị Anh T2, sinh năm 1977 (vắng mặt);

Địa chỉ: 1 N, xã P, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hoàng Tuấn L1, sinh năm 1997 (có mặt);

Địa chỉ 15/9E Ấp M, xã T, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn là ông Trần Hải L, bị đơn là Công ty Trách nhiệm hữu hạn G1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 13/9/2022, đơn khởi kiện sửa đổi bổ sung ngày 17/11/2022, ngày 04/5/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án ông Trần Hải L là nguyên đơn trình bày:

Công ty Trách nhiệm hữu hạn G1 (Công ty G1) được thành lập và hoạt động kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4102031743 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố H cấp lần đầu ngày 18/7/2005, đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 19/12/2007. Khi mới thành lập, Công ty G1 có 02 thành viên với vốn điều lệ là: 500.000.000 đồng, cụ thể: ông Nguyễn Minh T1 góp: 250.000.000 đồng chiếm 50% vốn điều lệ. Ông T1 giữ chức danh Chủ tịch Hội đồng thành viên kiêm Giám đốc công ty và ông Trần Hải L góp 250.000.000 đồng chiếm 50% vốn điều lệ.

Thời gian đầu, để có vốn cho hoạt động kinh doanh, tập trung mọi nguồn lực phát triển công ty, ông L quyết định không nhận phần lợi nhuận thu được trong hơn hai năm (từ 2005 đến 2007) mà để Công ty G1 sử dụng tái đầu tư.

Cuối năm 2007, khi Công ty G1 phát triển vượt bậc, ông T1 gợi ý cần tăng qui mô doanh nghiệp, để tăng uy tín và mở rộng thị phần kinh doanh. Vì vậy, 02 thành viên công ty đã quyết định tăng vốn điều lệ bằng việc góp thêm vốn và kết nạp thêm thành viên mới. Ngày 19/12/2007, Công ty G1 tăng vốn điều lệ thành 4.000.000.000 đồng với 04 thành viên, gồm: Ông Nguyễn Minh T1 góp: 2.000.000.000 chiếm 50% vốn điều lệ, ông Trần Hải L góp: 800.000.000 đồng chiếm 20% vốn điều lệ, bà Võ Thị Anh T2 góp: 800.000.000 đồng chiếm

20% vốn điều lệ, ông Phạm Chiến N góp: 400.000.000 đồng chiếm 10% vốn điều lệ.

Ông L đã góp đủ số vốn cam kết. Công ty G1 cũng hoàn thành thủ tục đăng ký thay đổi tăng vốn điều lệ tại Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố H. Tuy nhiên, sau khi tăng vốn điều lệ, Công ty G1 dưới sự điều hành của ông Nguyễn Minh T1 bắt đầu hoạt động không minh bạch, tự ý thu chi trái nguyên tắc tài chính kế toán và không chia lợi nhuận hàng năm cho các thành viên góp vốn. Thấy bất thường, ông L đã nhiều lần góp ý để yêu cầu công ty thay đổi cách vận hành, nhưng sự việc ngày càng kéo dài, trầm trọng hơn và không thể khắc phục. Đồng thời, ông L cũng nhiều lần yêu cầu Công ty T3 báo cáo tài chính hàng năm, đề nghị được tiếp cận, kiểm tra sổ sách kế toán và yêu cầu chia lợi nhuận cho thành viên góp vốn, nhưng các yêu cầu đều không được Công ty G1 thực hiện. Đây là hành vi cố ý vi phạm điều lệ công ty, vi phạm quy định pháp luật. Kể từ khi tăng vốn điều lệ đến nay, ông L chưa nhận được bất kỳ lợi nhuận nào từ hoạt động của Công ty G1, việc này làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của thành viên góp vốn.

Vì vậy, ông L làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Tuyên buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn G1 và ông Nguyễn Minh T1 là Giám đốc phải chia lợi nhuận tương ứng với phần vốn góp sau khi công ty đã nộp thuế và hoàn thành các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật và lãi chậm trả phát sinh hàng năm, tạm tính 14 năm, từ năm 2008 đến tháng 12/2021. Lợi nhuận sau thuế ước tính là 6%/năm (Sáu phần trăm) trên giá trị vốn góp. Tổng số tiền tạm tính là $48.000.000 \times 14 = 672.000.000$ VNĐ cho ông Trần Hải L.

Tại văn bản trình bày ý kiến ngày 05/4/2024, ông Nguyễn Minh T1 là bị đơn (1) và là người đại diện theo pháp luật của Công ty G1 là bị đơn (2) và bà Võ Thị Anh T2 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cùng trình bày như sau:

Công ty G1 được thành lập và hoạt động kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4102031743 do Sở Kế hoạch và đầu tư Thành phố H cấp lần đầu ngày 18/7/2005, đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 18/5/2023.

Thời điểm thành lập công ty gồm có 02 thành viên là ông Nguyễn Minh T1 và ông Trần Hải L. Theo đó ông L cam kết sẽ góp vốn là 250.000.000 đồng, tương ứng với 50% vốn điều lệ để trở thành thành viên công ty. Còn ông Tân G là 250.000.000 đồng, tương ứng 50% vốn điều lệ và giữ chức vụ Giám đốc công ty. Tuy nhiên sau khi công ty thành lập và được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh cũng như qua các lần thay đổi đăng ký kinh doanh thì ông L hoàn toàn không góp vốn vào công ty như cam kết. Do vậy theo quy định của Luật doanh nghiệp thì ông L đương nhiên không còn là thành viên của công ty.

Công ty G1 và ông T1, bà T2 không đồng ý toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông L.

Tại Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 211/2024/KDTM-ST ngày 23 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Hải L về việc: Buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn G1 và ông Nguyễn Minh T1 là Giám đốc phải chia lợi nhuận tương ứng với phần vốn góp sau khi công ty đã nộp thuế và hoàn thành các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật và lãi chậm trả phát sinh hàng năm, tạm tính 14 năm, từ năm 2008 đến tháng 12/2021, tổng số tiền tạm tính là 672.000.000 đồng.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí sơ thẩm và quyền kháng cáo theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm:

- Ngày 30/8/2024 nguyên đơn ông Trần Hải L kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm;

- Ngày 04/9/2024, bị đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn G1 (có ông Nguyễn Minh T1 là đại diện theo pháp luật) kháng cáo một phần bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn là ông Trần Hải L (có ông Đặng Tất T đại diện theo ủy quyền) vẫn giữ kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa một phần bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông L, buộc công ty G1 trả lãi phát sinh từ ngày 01/01/2008 đến khi xử sơ thẩm, tương đương số tiền là 821.906.683 đồng do ông L là thành viên góp vốn của công ty G1 nhưng từ khi thành lập đến nay công ty không chia lợi nhuận cho ông L. Công ty không cung cấp đầy đủ tài liệu chứng cứ về việc quyết toán thuế nên nguyên đơn tính lãi trên cơ sở lãi suất tiền gửi tiết kiệm bình quân của các ngân hàng thương mại là 6%/năm trên giá trị vốn góp của ông L theo khoản 2 Điều 305 Bộ luật dân sự 2005. Đối với kháng cáo của bị đơn, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn là luật sư Phạm Văn V phát biểu ý kiến đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn vì ông Nguyễn Minh T1 có nhiều hành vi vi phạm nghĩa vụ của người quản lý doanh nghiệp cũng như thành viên góp vốn, có dấu hiệu lập không các hóa đơn, tăng chi phí làm giảm lợi nhuận của công ty, gây ảnh hưởng đến quyền lợi của các thành viên khác quy định tại Điều 72 Luật doanh nghiệp 2020. Nguyên đơn và Tòa án đã nhiều lần yêu cầu nhưng bị đơn cố tình không cung cấp các báo cáo quyết toán thuế hàng năm của công ty. Công ty hoạt động nhiều năm có lãi nhưng không tiến hành phân chia lợi nhuận cho ông L. Bị đơn cho rằng ông L không góp vốn nhưng không cung cấp được chứng cứ nào chứng minh. Các dòng vốn và dòng tiền của công ty đều được thể hiện trên báo cáo tài chính và từ năm 2008 đến nay công ty vẫn sử dụng vốn góp của ông L để kinh doanh.

Bị đơn là Công ty Trách nhiệm hữu hạn G1 (có ông Hoàng Tuấn L1 đại diện theo ủy quyền) vẫn giữ kháng cáo yêu cầu Tòa án phúc thẩm sửa một phần bản án sơ thẩm, không công nhận ông Trần Hải L là thành viên công ty vì từ lúc thành lập công ty đến nay ông L chưa góp bất kỳ khoản vốn nào cho công ty nên ông L không phải là thành viên công ty, do đó, việc công ty không mời ông L

hợp và không chia lợi nhuận cho ông L là đúng. Đồng thời, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn.

Bị đơn là ông Nguyễn Minh T1 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Võ Thị Anh T2 (đều do ông Hoàng Tuấn L1 đại diện theo ủy quyền) yêu cầu Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị đơn, không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử phúc thẩm đã tuân theo đúng các quy định của pháp luật Tố tụng dân sự. Những người tham gia tố tụng thực hiện đầy đủ các quyền, nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử xử có căn cứ, đúng pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn và bị đơn kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ nào mới chứng minh nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn và bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Công ty Trách nhiệm hữu hạn G1 được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4102031743 do Sở Kế hoạch và đầu tư Thành phố H cấp lần đầu ngày 18/7/2005, có vốn điều lệ là 500.000.000 đồng với 02 thành viên góp vốn trong đó ông Nguyễn Minh T1 góp 250.000.000 đồng chiếm 50% vốn điều lệ. Ông T1 giữ chức danh Chủ tịch Hội đồng thành viên kiêm Giám đốc công ty và ông Trần Hải L góp 250.000.000 đồng chiếm 50% vốn điều lệ.

[2] Quá trình hoạt động, công ty G1 có 04 lần thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, cụ thể:

- Thay đổi lần thứ 1 ngày 19/12/2007, tăng vốn điều lệ 4.000.000.000 đồng và tăng số thành viên với 04 thành viên góp vốn là ông Nguyễn Minh T1 góp 2.000.000.000 đồng chiếm 50% vốn điều lệ, ông Trần Hải L góp 800.000.000 đồng chiếm 20% vốn điều lệ, bà Võ Thị Anh T2 góp 800.000.000 đồng chiếm 20% vốn điều lệ, ông Phạm Chiến N góp 400.000.000 đồng chiếm 10% vốn điều lệ;

- Thay đổi lần thứ 2 theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi ngày 24/01/2015, ghi nhận về chi nhánh của công ty;

- Thay đổi lần thứ 3 ngày 04/5/2023, ghi nhận giảm thành viên, còn lại 03 thành viên góp vốn là ông Nguyễn Minh T1 góp 2.000.000.000 đồng chiếm 50% vốn điều lệ, ông Trần Hải L góp 800.000.000 đồng chiếm 20% vốn điều lệ, bà Võ Thị Anh T2 góp 1.200.000.000 đồng chiếm 30% vốn điều lệ;

- Thay đổi lần thứ 4 ngày 18/5/2023, ghi nhận thay đổi về chức danh

Tổng giám đốc.

[3] Ông Trần Hải L khởi kiện yêu cầu Công ty G1 chia lợi nhuận tương ứng với phần vốn góp sau khi công ty đã nộp thuế và hoàn thành các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật và lãi chậm trả phát sinh hàng năm, tạm tính 14 năm, từ năm 2008 đến tháng 12/2021, là trong khoảng thời gian ông Phạm Chiến N là thành viên công ty. Bản án của Tòa án cấp sơ thẩm cho rằng theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hiện tại thì ông N không còn là thành viên công ty, nên không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc đưa ông N vào tham gia tố tụng là không chính xác, có thiếu sót và không đảm bảo cho việc giải quyết vụ án.

[4] Theo bị đơn trình bày mặc dù theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hiện tại có ghi nhận ông L là thành viên công ty, nhưng thực tế ông L không thực hiện góp vốn và bổ sung vốn như cam kết nên theo bị đơn ông L không còn là thành viên công ty.

[5] Xét, Điều 8 của Điều lệ Công ty G1 phù hợp với quy định tại Điều 27 Luật Doanh nghiệp năm 1999 (có hiệu lực tại thời điểm thực hiện nghĩa vụ góp vốn) đều quy định trong trường hợp nguyên đơn không góp đủ vốn thì phần vốn chưa góp đủ được coi là nợ của nguyên đơn đối với Công ty và nguyên đơn phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại phát sinh do không góp đủ và đúng hạn số vốn đã cam kết chứ không đương nhiên bị mất tư cách là thành viên của công ty. Tại Điều 13 Điều lệ Công ty G1 tương ứng với quy định tại khoản 2 Điều 60 Luật Doanh nghiệp năm 2005 (có hiệu lực tại thời điểm Công ty G1 được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi đăng ký tăng vốn) trong trường hợp thành viên là nguyên đơn không đồng ý hoặc không góp thêm vốn thì phần vốn đó được chia cho thành viên khác theo tỉ lệ phần vốn góp tương ứng. Hơn nữa, các lần thay đổi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đều thể hiện ông Trần Hải L là thành viên góp vốn của công ty. Mặt khác, quá trình giải quyết vụ án bị đơn không cung cấp được chứng cứ chứng minh về việc nguyên đơn không thực hiện nghĩa vụ góp vốn như cam kết. Do đó, Bản án của Tòa án cấp sơ thẩm xác định ông L vẫn là thành viên của công ty H là có căn cứ.

[6] Điều lệ Công ty G1 quy định: “20.1 Thành viên sáng lập có các quyền sau đây: (...) 20.1.1-2. Được chia lợi nhuận sau khi công ty đã nộp thuế và hoàn thành các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định tương ứng với phần vốn góp vào công ty; (...)”. Về trình tự, thủ tục và quyền quyết định việc chia lợi nhuận được Điều lệ Công ty G1 quy định như sau: “Điều 15 Hội đồng thành viên: (...) 15.2- Hội đồng thành viên có các quyền và nghĩa vụ như sau: (...) 15.2.7- Thông qua báo cáo tài chính hàng năm, phương án sử dụng và phân chia lợi nhuận (...); Điều 16 Chủ tịch hội đồng thành viên (...) 16.2- Chủ tịch Hội đồng thành viên có các quyền và nghĩa vụ như: (...) Triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội đồng thành viên; chuẩn bị chương trình, nội dung tài liệu họp Hội đồng thành viên hoặc để lấy ý kiến các thành viên; (...) ký các quyết định của Hội đồng thành viên (...); Điều 17 Giám đốc (...) 17.1 – Giám đốc có các quyền như sau: (...) 17.2.9 – Kiến nghị phương án sử dụng lợi nhuận (...);”

[7] Như vậy, việc phân chia lợi nhuận được thực hiện sau khi công ty đã nộp thuế và hoàn thành các nghĩa vụ tài chính. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm chỉ thu thập tài liệu, chứng cứ tại Chi cục thuế Q và Chi cục thuế khu vực Quận G – Nhà Bè đối với các báo cáo nộp thuế, báo cáo tài chính của công ty, nhưng không thu thập tài liệu, chứng cứ về việc phân chia lợi nhuận hàng năm của công ty G1 là chưa đủ căn cứ giải quyết vụ án.

[8] Bản án của Tòa án cấp sơ thẩm cho rằng nguyên đơn yêu cầu được chia lợi nhuận với số tiền cụ thể là 48.000.000 đồng x 14 năm = 672.000.000 đồng nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ để chứng minh Công ty G1 hoạt động có lợi nhuận trong những năm này và đã được Hội đồng thành viên của công ty có quyết định phân chia lợi nhuận hoặc Công ty đã thực hiện phân chia lợi nhuận nhưng ông L không được nhận. Tuy nhiên, các tài liệu, chứng cứ liên quan đến lợi nhuận và việc phân chia lợi nhuận hàng năm là do công ty G1 (bị đơn) lưu giữ, nên có cơ sở xác định nguyên đơn không thể tự mình thực hiện được việc thu thập chứng cứ này. Mặt khác, tại khoản 2 Điều 97 Bộ luật tố tụng dân sự quy định trong trường hợp cần thiết, Tòa án có thể tự mình thu thập tài liệu, chứng cứ. Do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm chưa thực hiện việc thu thập tài liệu, chứng cứ đầy đủ khi giải quyết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[9] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy, bản án của Tòa án cấp sơ thẩm chưa thu thập đầy đủ tài liệu, chứng cứ khi giải quyết vụ án. Việc xem xét giải quyết tại cấp phúc thẩm sẽ gây ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp luật của đương sự, do đó để đảm bảo hai cấp xét xử nên chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn là Công ty Trách nhiệm hữu hạn G1, hủy bản án của Tòa án cấp sơ thẩm và giao hồ sơ vụ án về cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo quy định pháp luật. Lập luận này cũng là cơ sở để không chấp nhận đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa.

[10] Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Do hủy bản án của Tòa án cấp sơ thẩm nên người có kháng cáo không phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự,

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn ông Trần Hải L; không chấp nhận kháng cáo của bị đơn là Công ty Trách nhiệm hữu hạn G1.

Tuyên xử:

1. Hủy bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 211/2024/KDTM-ST ngày 23/8/2024 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;

Chuyển hồ sơ vụ án về cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo quy định pháp luật.

2. Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm:

Ông Trần Hải L không phải chịu. Hoàn trả cho ông Trần Hải L 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0041533 ngày 16/10/2024 của Cục thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

Công ty Trách nhiệm hữu hạn G1 không phải chịu. Hoàn trả Công ty Trách nhiệm hữu hạn G1 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0041699 ngày 25/10/2024 của Cục thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP . HCM;
- TAND TP . HCM;
- VKSND TP . HCM;
- Cục THADS TP . HCM;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Nhựt Bình